

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I
BỘ ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND
ngày tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La

Sơn La, tháng 12 năm 2025

Phần I

NỘI DUNG VÀ KẾT CẤU

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ

1. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thoát nước đô thị

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thoát nước đô thị bao gồm các hao phí cần thiết về vật liệu, nhân công và xe, máy, thiết bị thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ thoát nước đô thị. Trong đó:

a) Mức hao phí vật liệu:

Là số lượng vật liệu (không kể vật liệu cần dùng cho máy, thiết bị và vật liệu tính trong chi phí chung) cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị công tác dịch vụ thoát nước đô thị. Mức hao phí vật liệu trong tập định mức này đã bao gồm vật liệu hao hụt trong quá trình thực hiện công việc.

b) Mức hao phí nhân công:

Là số ngày công lao động của công nhân trực tiếp tương ứng với cấp bậc công việc để hoàn thành một đơn vị công tác dịch vụ thoát nước đô thị.

Số lượng ngày công đã bao gồm cả lao động chính, lao động phụ để thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ thoát nước đô thị từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc, thu dọn hiện trường thi công.

Cấp bậc nhân công trong định mức là cấp bậc bình quân của các công nhân tham gia thực hiện một đơn vị công tác dịch vụ thoát nước đô thị.

c) Mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công:

Là số ca máy và thiết bị trực tiếp thực hiện và hoàn thành một đơn vị công tác dịch vụ thoát nước đô thị.

2. Kết cấu của tập định mức

Định mức được trình bày theo nhóm, loại công tác dịch vụ thoát nước đô thị. Mỗi định mức được trình bày gồm: thành phần công việc, điều kiện áp dụng các trị số mức và đơn vị tính phù hợp để thực hiện công việc đó.

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thoát nước đô thị gồm 3 chương:

- Chương I: Nạo vét bùn bằng thủ công
- Chương II: Nạo vét bùn bằng cơ giới
- Chương III: Công tác khác
- Chương IV: Các công tác lập mới

Phần II
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Chương I. NẠO VẾT Bùn BẰNG THỦ CÔNG

TN 1.10000 Nạo vét bùn cống, hố ga bằng thủ công

TN1.11100 Nạo vét bùn cống ngầm

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
 - Đặt biển báo hiệu công trường, cảnh giới giao thông và điều tiết đảm bảo an toàn giao thông suốt quá trình thi công.
 - Mở nắp hố ga, chờ khí độc bay đi.
 - Dùng quả găng luồn qua cống, gạt bùn về hố ga.
 - Chui vào lòng cống bốc, xúc bùn vào trong xô, vận chuyển bùn ra (đối với các tuyến cống có đường kính lớn có thể chui vào lòng cống để bốc, xúc bùn).
 - Xúc bùn vào xô, đưa lên và đổ vào phương tiện trung chuyển.
 - Trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm cự ly bình quân 1000m.
 - Xúc bùn từ phương tiện trung chuyển vào thùng chứa bùn để ở nơi tập kết tạm.
 - Vận chuyển bùn bằng ô tô chuyên dụng chở bùn 4T về bãi đổ quy định.
 - Vệ sinh, thu dọn mặt bằng và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.
- * Đô thị loại II

Đơn vị tính: m³ bùn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	đường kính cống (mm)		
				<300	>300 ÷ ≤600	>600 ÷ 1000
TN1.111	Nạo vét bùn cống ngầm	<i>Nhân công:</i>	công	3,438	3,338	3,211
		- Bậc thợ 3,5/7				
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>				
		- Xe ô tô chuyên dụng chở bùn 4T	ca	0,083	0,081	0,077
				11	21	31

* Đô thị loại III-V

Đơn vị tính: m³ bùn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	đường kính cống (mm)		
				<300	>300 ÷ ≤600	>600 ÷ 1000
TN1.111	Nạo vét bùn cống ngầm	<i>Nhân công:</i>	công	3,155	3,063	2,946
		- Bậc thợ 3,5/7				
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>				
		- Xe ô tô chuyên dụng chở bùn 4T	ca	0,083	0,081	0,077
				12	22	32

Ghi chú:

1/ Định mức áp dụng đối với cống tròn và các loại cống khác có tiết diện tương đương. Lượng bùn có trong cống trước khi nạo vét > 1/3 tiết diện cống.

2/ Định mức tính theo thực tế không phải trung chuyển bùn.

3/ Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tính với cự ly vận chuyển bùn $L \leq 10\text{km}$.

TN1.12100 Nạo vét bùn hố ga.

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
 - Đặt biển báo hiệu công trường, cảnh giới giao thông và điều tiết đảm bảo an toàn giao thông suốt quá trình thi công.
 - Mở nắp hố ga, cạy tấm đan, chờ khí độc bay đi.
 - Nạo vét bùn trong hố ga.
 - Xúc bùn vào xô, đưa lên và đổ vào phương tiện trung chuyển.
 - Trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm với cự ly bình quân 1000m.
 - Xúc bùn từ phương tiện trung chuyển vào thùng chứa bùn để ở nơi tập kết tạm.
 - Vận chuyển bùn bằng ô tô chuyên dụng chở bùn 4T về bãi đổ quy định.
 - Vệ sinh, thu dọn mặt bằng và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.
- * Đô thị loại II

Đơn vị tính: m³ bùn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TN1.121	Nạo vét bùn hố ga	<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3,5/7	công	3,143
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe ô tô chuyên dụng chở bùn 4T	ca	0,101
				11

* Đô thị loại III-V

Đơn vị tính: m³ bùn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TN1.121	Nạo vét bùn hố ga	<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3,5/7	công	2,884
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe ô tô chuyên dụng chở bùn 4T	ca	0,101
				12

Ghi chú:

1/ Định mức tính theo thực tế không phải trung chuyển bùn.

2/ Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tính với cự ly vận chuyển bùn $L \leq 10\text{km}$.

TN 1.13100 Nạo vét bùn cống hộp nổi

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.

- Đặt biển báo hiệu công trường, cảnh giới giao thông và điều tiết đảm bảo an toàn giao thông suốt quá trình thi công.

- Mở nắp hầm ga chờ khí độc bay đi.
- Nạo vét bùn, xúc bùn vào xô, đưa lên và đổ vào phương tiện trung chuyển.
- Trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm với cự ly bình quân 1000m.
- Xúc bùn từ phương tiện trung chuyển vào thùng chứa bùn để ở nơi tập kết tạm.
- Vận chuyển bùn bằng ô tô chuyên dụng chở bùn 4T về bãi đổ quy định.
- Vệ sinh, thu dọn mặt bằng và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

* Đô thị loại II

Đơn vị tính: m³ bùn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TN1.131	Nạo vét bùn công hộp nổi	<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3,5/7	công	3,135
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe ô tô chuyên dụng chở bùn 4T	ca	0,075
				11

* Đô thị loại III-V

Đơn vị tính: m³ bùn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TN1.131	Nạo vét bùn công hộp nổi	<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3,5/7	công	2,877
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe ô tô chuyên dụng chở bùn 4T	ca	0,075
				12

Ghi chú:

1/ Định mức áp dụng đối với công hộp nổi kích thước $B \geq 300\text{mm} \div 1000\text{mm}$; $H \geq 400\text{mm} \div 1000\text{mm}$. Lượng bùn có trong công trước khi nạo vét $> 1/3$ tiết diện công.

2/ Định mức tính theo thực tế không phải trung chuyển bùn.

3/ Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tính với cự ly vận chuyển bùn $L \leq 10\text{km}$.

TN1.20000 Nạo vét bùn mương bằng thủ công

TN1.21100 Mương có chiều rộng $\leq 6\text{m}$.

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Nạo vét bùn dưới lòng mương, xúc vào xô, chuyển bùn lên thuyền.
- Kéo thuyền bùn dọc mương (cự ly $\leq 300\text{m}$) chuyển bùn lên bờ đổ lên phương tiện trung chuyển.

- Trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm với cự ly bình quân 150m.
- Xúc bùn từ phương tiện trung chuyển vào thùng chứa bùn để ở nơi tập kết tạm.
- Vận chuyển bùn bằng ô tô chuyên dụng chở bùn 4T về bãi đổ quy định.

- Vệ sinh, thu dọn mặt bằng và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

* Đô thị loại II

Đơn vị tính: m³ bùn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng	
				Mương không có hành lang, lối vào	Mương có hành lang, có lối vào
TN1.211	Nạo vét bùn mương bằng thủ công, mương có chiều rộng $\leq 6m$	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ 3,5/7 <i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> - Xe ô tô chuyên dụng chở bùn 4T	công	2,471	2,135
			ca	0,07	0,07
				11	21

* Đô thị loại III-V

Đơn vị tính: m³ bùn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng	
				Mương không có hành lang, lối vào	Mương có hành lang, có lối vào
TN1.211	Nạo vét bùn mương bằng thủ công, mương có chiều rộng $\leq 6m$	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ 3,5/7 <i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> - Xe ô tô chuyên dụng chở bùn 4T	công	2,267	1,959
			ca	0,07	0,07
				12	22

Ghi chú:

1/ Định mức tính với lượng bùn có trong mương trước khi nạo vét $> 1/3$ độ sâu mương (từ mặt nước đến đáy mương).

2/ Định mức tính theo thực tế không phải trung chuyển bùn.

3/ Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tính với cự ly vận chuyển bùn $L \leq 10km$.

TN1.22100 Mương có chiều rộng $> 6m$.

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.

- Bắ cầu công tác.

- Nạo vét bùn dưới lòng mương, xúc vào xô, chuyển bùn lên thuyền.

- Kéo thuyền bùn dọc mương (cự ly $\leq 300\text{m}$) chuyển bùn lên bờ đổ lên phương tiện trung chuyển.

- Trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm với cự ly bình quân 150m.

- Xúc bùn từ phương tiện trung chuyển vào thùng chứa bùn để ở nơi tập kết tạm.

- Vận chuyển bùn bằng ô tô chuyên dụng chở bùn 4T về bãi đổ quy định.

- Vệ sinh, thu dọn mặt bằng và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

* Đô thị loại II

Đơn vị tính: m^3 bùn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng	
				Mương không có hành lang, lối vào	Mương có hành lang, có lối vào
TN1.221	Nạo vét bùn mương bằng thủ công, mương có chiều rộng $> 6\text{m}$	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ 3,5/7	công	2,406	2,065
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> - Xe ô tô chuyên dụng chở bùn 4T	ca	0,07	0,07
				11	21

* Đô thị loại III-V

Đơn vị tính: m^3 bùn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng	
				Mương không có hành lang, lối vào	Mương có hành lang, có lối vào
TN1.221	Nạo vét bùn mương bằng thủ công, mương có chiều rộng $> 6\text{m}$	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ 3,5/7	công	2,208	1,895
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> - Xe ô tô chuyên dụng chở bùn 4T	ca	0,07	0,07
				12	22

Ghi chú:

1/ Định mức tính với lượng bùn có trong mương trước khi nạo vét $> 1/3$ độ sâu mương (từ mặt nước đến đáy mương).

2/ Định mức tính theo thực tế không phải trung chuyển bùn.

3/ Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tính với cự ly vận chuyển bùn $L \leq 10\text{km}$.

Chương II. NẠO VẾT Bùn BẰNG CƠ GIỚI

TN2.10000 Nạo vét bùn cống ngầm bằng cơ giới

TN2.11100 Nạo vét bùn cống ngầm bằng xe hút bùn 3 tấn

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị xe (đổ nhiên liệu, kiểm tra xe).
- Di chuyển, đưa máy, thiết bị vào vị trí thi công.
- Đặt biển báo hiệu công trường, cọc phân cách ranh giới và điều tiết đảm bảo an toàn giao thông suốt quá trình thi công.
- Chuẩn bị dụng cụ, lắp đặt vòi hút, mở nắp ga, chờ khí độc bay đi.
- Hút bùn ở hố ga và chui vào lòng cống để hút.
- Xả nước.
- Hút đầy téc.
- Vận chuyển bùn đến bãi đổ bùn, xả sạch bùn.
- Lắp lại các thao tác trên cho đến khi đạt yêu cầu về nạo vét đoạn cống cần thi công.
- Đóng nắp ga, vệ sinh, thu dọn mặt bằng làm việc và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Đơn vị tính: m³ bùn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TN2.111	Nạo vét bùn cống ngầm bằng xe hút bùn 3 tấn	<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,25
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe hút bùn 3T	ca	0,076
				10

Ghi chú:

1/ Định mức áp dụng với cống tròn có đường kính $\geq 700\text{mm}$ và các loại cống khác có tiết diện tương đương.

3/ Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tính với cự ly vận chuyển bùn $L \leq 10\text{km}$.

TN2.12100 Nạo vét bùn cống ngầm bằng xe phun nước phản lực kết hợp với các thiết bị khác

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị xe (bơm nước vào bình, đổ nhiên liệu, kiểm tra xe).
- Di chuyển, đưa máy, thiết bị vào vị trí thi công.
- Đặt biển báo hiệu công trường, cọc phân cách ranh giới và điều tiết đảm bảo an toàn giao thông suốt quá trình thi công.
- Chuẩn bị dụng cụ, lắp đặt vòi hút, mở nắp ga, chờ khí độc bay đi.
- Bơm nước từ xe téc chở nước vào xe phun nước phản lực và bình chứa của xe hút chân không.
- Lắp ống cho xe hút chân không, lắp vòi phun cho xe phun nước phản lực.

- Hút bùn ở hố ga, lắp đặt bộ giá đỡ định hướng đầu phun nước.
- Tiến hành phun nước để dồn bùn ra hố ga; hút bùn tại hố ga. Tiếp tục thực hiện thao tác phun nước, dồn bùn ra hố ga, hút bùn tại hố ga đồng thời tách nước trên xe téc chở bùn đến khi bùn đầy téc.
- Vận chuyển bùn đến bãi đổ bùn, xả sạch bùn.
- Lắp lại các thao tác trên cho đến khi đạt yêu cầu về nạo vét đoạn cống cần thi công.
- Đóng nắp ga, vệ sinh, thu dọn mặt bằng làm việc và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Đơn vị tính: 1 m dài

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TN2.121	Nạo vét bùn cống ngầm bằng xe phun nước phản lực kết hợp với các thiết bị khác	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m ³	0,3066
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3,5/7	công	0,0901
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe phun nước phản lực	ca	0,0124
		- Xe hút chân không 4T	ca	0,0124
		- Ô tô tự đổ 7T	ca	0,0223
		- Xe téc chở nước 4m3	ca	0,0173
		- Máy khác	%	1,0
				10

Ghi chú:

1/ Định mức áp dụng với cống tròn có đường kính 0,3m-0,8m, cống hộp, bản có chiều rộng đáy từ 0,3m-0,8m và các loại cống khác có tiết diện tương đương.

2/ Tuyến cống được đưa vào nạo vét khi lượng bùn trong cống trước khi nạo vét $\geq 1/4$ đường kính cống đối với cống tròn hoặc chiều cao của cống bản.

3/ Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tính với cự ly vận chuyển bùn $L \leq 10\text{km}$.

TN2.13100 Nạo vét bùn cống ngầm bằng xe hút bùn chân không 8 tấn kết hợp với các thiết bị khác

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị xe (bơm nước vào bình, đổ nhiên liệu, kiểm tra xe).
- Di chuyển, đưa máy, thiết bị vào vị trí thi công.
- Đặt biển báo hiệu công trường, cọc phân cách ranh giới và điều tiết đảm bảo an toàn giao thông suốt quá trình thi công.
- Chuẩn bị dụng cụ, lắp đặt vòi hút, mở nắp ga, chờ khí độc bay đi, hút bùn tại hố ga.
- Chặn hai đầu đoạn cống cần thi công tại 2 hố ga bằng các túi đựng cát.
- Lắp ống cho xe hút chân không.
- Bơm nước cho đến khi công nhân có thể thi công được trong lòng cống.

- Hút bùn trong cống đồng thời tách nước trên xe téc chở bùn đến khi bùn đầy téc.
- Vận chuyển bùn đến bãi đổ bùn, xả sạch bùn.
- Lắp lại các thao tác trên cho đến khi đạt yêu cầu về nạo vét đoạn cống cần thi công.
- Đóng nắp ga, vệ sinh, thu dọn mặt bằng làm việc và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Đơn vị tính: 1 m dài

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TN2.131	Nạo vét bùn cống ngầm bằng xe hút chân không 8 tấn kết hợp với các thiết bị khác	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m ³	0,042
		- Bao tải cát	bao	0,56
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3,5/7	công	0,17
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe hút chân không 8T	ca	0,0262
		- Ô tô tự đổ 7T	ca	0,0466
		- Xe téc chở nước 4m3	ca	0,0032
		- Xe tải cầu 4T	ca	0,0092
		- Máy phát điện 30KVA	ca	0,0183
		- Bơm chìm 30KVA	ca	0,0159
		- Máy khác	%	1,5
				10

Ghi chú:

1/ Định mức áp dụng với cống tròn có đường kính 0,8m-1,2m, cống hộp, bản có chiều rộng đáy từ 0,8m-1,2m và các loại cống khác có tiết diện tương đương.

2/ Tuyến cống được đưa vào nạo vét khi lượng bùn trong cống trước khi nạo vét $\geq 1/4$ đường kính cống đối với cống tròn hoặc chiều cao của cống bản.

Các cống phải đảm bảo mực nước cho phép người công nhân có thể chui vào cống để thi công được.

3/ Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tính với cự ly vận chuyển bùn $L \leq 10\text{km}$.

TN2.14100 Nạo vét bùn cống ngầm bằng máy tời kết hợp với các thiết bị khác

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị xe (bơm nước vào bình, đổ nhiên liệu, kiểm tra xe).
- Di chuyển, đưa máy, thiết bị vào vị trí thi công.
- Đặt biển báo hiệu công trường, cọc phân cách ranh giới và điều tiết đảm bảo an toàn giao thông suốt quá trình thi công.
- Chuẩn bị dụng cụ, lắp đặt vòi hút, ống hút, chuẩn bị vòi bơm, máy bơm, mở nắp ga, chờ khí độc bay đi; hút bùn tại hố ga.
- Luồn dây cáp hoặc gầu mức từ hố ga này đến hố ga kế tiếp.

- Vận hành tời chính và tời phụ dồn bùn từ trong cống về hố ga công tác bằng đĩa di chuyển trong lòng cống.

- Hút bùn tại hố ga đồng thời tách nước trên xe téc chở bùn đến khi bùn đầy téc.

- Vận chuyển bùn đến bãi đổ bùn, xả sạch bùn.

- Lắp lại các thao tác trên cho đến khi đạt yêu cầu về nạo vét đoạn cống cần thi công.

- Đóng nắp ga, vệ sinh, thu dọn mặt bằng làm việc và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Đơn vị tính: 1m dài

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TN2.141	Nạo vét bùn cống ngầm bằng máy tời kết hợp với các thiết bị khác	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m ³	0,084
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3,5/7	công	0,3075
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Máy tời 3,7kW	ca	0,0563
		- Xe hút chân không 4T	ca	0,0563
		- Ô tô tự đổ 7T	ca	0,0788
		- Xe téc chở nước 4m ³	ca	0,0064
		- Xe tải có cần cầu 3T	ca	0,0229
		- Máy khác	%	1,5
				10

Ghi chú:

1/ Định mức áp dụng với cống tròn có đường kính 1,2m <Φ< 2,5m, cống hộp, bản có chiều rộng đáy 1,2m <B< 2,5m và các loại cống khác có tiết diện tương đương.

2/ Tuyến cống được đưa vào nạo vét khi lượng bùn trong cống trước khi nạo vét ≥ 1/4 đường kính cống đối với cống tròn hoặc chiều cao của cống bản.

3/ Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tính với cự ly vận chuyển bùn L≤10km.

Chương III CÔNG TÁC KHÁC

TN3.21100 Kiểm tra lòng cống bằng phương pháp gương soi.

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ làm việc, đặt biển báo hiệu công trường, cảnh giới giao thông tại hai đầu hố ga đoạn cống kiểm tra.
- Mở nắp hố ga chờ khí độc bay đi.
- Dùng gương, đèn chiếu soi trong lòng cống từ hai đầu hố ga xác định điểm hư hỏng, vị trí, kích thước các vết nứt, mức độ hư hỏng.
- Vệ sinh thu dọn hiện trường, đậy nắp hố ga.
- Lập bản vẽ sơ họa của tuyến cống. Thống kê đánh giá mức độ hư hỏng, đề xuất kế hoạch sửa chữa.

Điều kiện áp dụng:

Cống đã được nạo vét sạch bùn, đảm bảo điều kiện thi công

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TN3.211	Kiểm tra lòng cống bằng phương pháp gương soi	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ 4,0/7	công	9,35
				10

TN3.31100 Nhặt, thu gom phế thải và vớt rau bèo trên mương, sông thoát nước bằng thủ công.

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Đi tua dọc hai bên bờ mương, sông để phát hiện phế thải.
- Nhặt hết các loại phế thải trên bờ, mái của mương, sông thuộc hành lang quản lý và vun thành đồng nhỏ xúc đưa lên phương tiện trung chuyển.
- Nhặt, gom phế thải và rau bèo trên mặt nước của mương, sông.
- Dùng thuyền đưa vào bờ và xúc lên phương tiện trung chuyển.
- Vận chuyển phế thải, rau bèo về địa điểm tập kết tạm với cự ly bình quân 150m.
- Xúc phế thải và rau bèo từ vật liệu trung chuyển vào phương tiện để ở nơi tập kết.

- Vệ sinh, thu dọn mặt bằng và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

* Đô thị loại II

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều rộng của mương, sông		
				≤ 6 m	≤ 15 m	> 15 m
TN3.311	Công tác nhặt, thu gom phế thải và vớt rau bèo trên mương, sông thoát nước bằng thủ công	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ 3,5/7	công	3,4	3,74	4,845
				11	21	31

* Đô thị loại III-V

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều rộng của mương, sông		
				≤ 6 m	≤ 15 m	> 15 m
TN3.311	Công tác nhặt, thu gom phế thải và vớt rau bèo trên mương, sông thoát nước bằng thủ công	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ 3,5/7	công	3,12	3,432	4,446
				12	22	32

Ghi chú: Trường hợp không phải trung chuyển thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số K = 0,85.

Chương IV. CÁC CÔNG TÁC LẬP MỚI

TN4.SL.10000 Nạo vét bùn, đất, rác cửa thu nước

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc
- Đặt biển báo hiệu công trường
- Tháo tấm gang cửa thu nước
- Thông tắc, nạo vét bùn, đất, rác miệng cửa thu nước
- Xúc bùn, đất rác vào xô, đưa lên và đổ vào phương tiện vận chuyển
- Lắp lại tấm gang cửa thu nước
- Di chuyển đến vị trí thi công tiếp theo
- Vận chuyển bùn về bãi đổ quy định
- Cảnh giới và điều tiết đảm bảo ATGT trong quá trình thi công
- Vệ sinh, thu dọn mặt bằng và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định

Đơn vị tính: 1 cửa thu

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TN4.SL.111	Nạo vét bùn, đất, rác cửa thu nước	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ 3,5/7	công	0,203
				10

Ghi chú: Định mức chưa bao gồm hao phí đối với xe vận chuyển đổ thải. Công tác vận chuyển đổ thải theo thực tế sử dụng Xe ô tô tự đổ 3,5T

TN4.SL.20000 Vớt rác mặt hồ

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện làm việc
- Chèo thuyền quanh hồ, dùng cào vớt bèo rác, cánh lá cây trôi nổi trên mặt hồ
- Nhặt rác, cỏ, cây con mái hồ, mép hồ (nếu có)
- Chuyển rác lên phương tiện trung chuyển
- Chuyển rác từ phương tiện trung chuyển đến vị trí tập kết rác
- Vệ sinh khu vực thi công, tập kết phương tiện dụng cụ về nơi quy định

Đơn vị tính: ha

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TN4.SL.211	Vớt rác mặt hồ	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ 3,5/7	công	0,293
				10

TN4.SL.30000 Duy trì đường ống DN>300**TN4.SL.31110 Duy trì đường ống áp lực***Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc
- Đặt biển báo hiệu công trường
- Mở van xả cặn, van xả khí
- Vận hành súc xả đường ống
- Đóng van xả cặn, van xả khí
- Kiểm tra hoạt động của đường ống
- Cảnh giới đảm bảo an toàn trong quá trình thi công
- Vệ sinh, thu dọn hoàn trả mặt bằng

TN4.SL.31120 Duy trì đường ống tự chảy*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc
- Đặt biển báo hiệu công trường
- Vận hành dòn nước để súc xả đường ống
- Kiểm tra hoạt động của đường ống
- Cảnh giới đảm bảo an toàn trong quá trình thi công
- Vệ sinh, thu dọn hoàn trả mặt bằng

Đơn vị tính: km

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng	
				Ống áp lực	Ống tự chảy
TN4.SL.311	Duy trì đường ống	<i>Nhân công:</i>	công	2,264	2,029
		- Bạc thợ 4,0/7			
		<i>Máy và thiết bị thi công:</i>	ca	0,192	0,171
		- Xe phun áp lực cao			
		- Xe hút chân không chuyên dụng 4T hút + xả	ca		0,149
				10	20

TN4.SL.40000 Bảo dưỡng trạm bơm*Thành phần công việc:*

- * Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc
- * Bảo dưỡng vỏ trạm:
 - Kiểm tra hiện trạng, loại bỏ rác,...
- * Nạo vét bùn hầm bơm
 - Mở nắp hầm ga chờ khí độc bay đi.
 - Sục bùn, nạo vét bùn, xúc bùn vào xô, đưa lên bằng tời điện và đổ vào phương tiện trung chuyển.
 - Xúc bùn từ phương tiện trung chuyển lên ô tô chở bùn về bãi đổ quy định.

- Vệ sinh, thu dọn khu vực thi công.
- * Bảo dưỡng phần công nghệ
 - Kiểm tra định kì, vệ sinh, cọ rửa các đường ống công nghệ (bên ngoài ống)
 - Bảo dưỡng các máy bơm, động cơ:
 - + Tháo dỡ bơm, tháo dỡ động cơ, kiểm tra vệ sinh các thiết bị
 - + Bơm: tháo dỡ vòng bi, rửa sạch mỡ cũ, thay mỡ mới
 - + Động cơ: tháo rời kiểm tra phần động cơ, vệ sinh sạch sẽ roto, stator, tra mỡ vòng bi. Kiểm tra và khắc phục giảm cách điện, kiểm tra thông số, lắp đặt căn chỉnh
 - + Kiểm tra hiệu chỉnh khớp nối trục động cơ bơm. Lắp ráp bơm, động cơ.
- Chạy thử, ghi thông số kỹ thuật bàn giao đơn vị quản lý
- * Bảo dưỡng phần điện
 - Kiểm tra vệ sinh các tủ điện và các thiết bị điện
 - Kiểm tra vệ sinh các giá đỡ dây điện, hộp nối, dây điện, ổ cắm
 - Siết chặt lại các đầu cốt, đầu nối
 - Kiểm tra lại các hệ thống tiếp địa
- * Vệ sinh, thu dọn mặt bằng

Đơn vị tính: trạm/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TN4.SL.411	Bảo dưỡng trạm bơm	<i>Vật liệu:</i>		
		- Giẻ lau	kg	0,3
		- Dầu bảo ôn	lít	0,6
		- Vật liệu khác	%	5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4,0/7	công	9,691
		<i>Máy và thiết bị thi công:</i>		
		- Xe phun nước phản lực	ca	0,13
		- Xe oto tự đổ 5T	ca	0,564
		- Tời điện – sức kéo: 5T	ca	0,463
		- Xe téc chở nước 4m ³	ca	0,564
		- Máy quạt gió – công suất: 2,5kW	ca	0,019
				10

TN4.SL.50000 Thay tấm gang cửa thu nước mặt đường (bao gồm hệ khung và nắp tấm đan)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị vật tư, vật liệu, dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc
- Đặt biển báo hiệu công trường
- Sử dụng máy cắt bê tông cắt xung quanh khung tấm gang (khoảng cách 5-10cm)
- Dùng xà beng phá dỡ lớp vữa xung quanh tấm gang và tháo tấm gang cũ

- Lắp đặt tấm gang mới (Rải vữa xi măng quanh miệng hố; đặt tấm gang mới vào đúng vị trí, căn chỉnh theo đúng yêu cầu kỹ thuật; chèn vữa xi măng xung quanh mép khung tấm gang và hoàn thiện)

- Thu gom phế thải, xúc lên xe, vận chuyển đến nơi đổ thải quy định

- Vệ sinh khu vực thi công, tập kết phương tiện, dụng cụ về nơi quy định

Đơn vị tính: tấm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TN4.SL.511	Thay tấm gang cửa thu nước mặt đường	<i>Vật liệu:</i>		
		Tấm ga gang 1150x620	tấm	1
		Vữa xi măng mác 75	m3	0,037
		<i>Nhân công:</i>		
		Nhân công 3,0/7	công	0,218
		<i>Máy và thiết bị thi công:</i>		
		Máy cắt bê tông 1,5kw	ca	0,049
				10

MỤC LỤC

Mã hiệu	Nội dung	Trang
	Phần I: NỘI DUNG VÀ KẾT CẤU ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ	1
	Phần II: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT	2
	Chương I. NẠO VẾT Bùn BẰNG THỦ CÔNG	2
TN1.10000	Nạo vét bùn cống, hố ga bằng thủ công	2
TN1.11100	Nạo vét bùn cống ngầm	2
TN1.12100	Nạo vét bùn hố ga	3
TN1.13100	Nạo vét bùn cống hộp nổi	4
TN1.20000	Nạo vét bùn mương bằng thủ công	4
TN1.21100	Mương có chiều rộng $\leq 6\text{m}$	4
TN1.22100	Mương có chiều rộng $> 6\text{m}$	6
	Chương II. NẠO VẾT Bùn BẰNG CƠ GIỚI	8
TN2.10000	Nạo vét bùn cống ngầm bằng cơ giới	8
TN2.11100	Nạo vét bùn cống ngầm bằng xe hút bùn 3 tấn	8
TN2.12100	Nạo vét bùn cống ngầm bằng xe phun nước phản lực kết hợp với các thiết bị khác	8
TN2.13100	Nạo vét bùn cống ngầm bằng xe hút bùn chân không có độ chân không 8 tấn kết hợp với các thiết bị khác	9
TN2.14100	Nạo vét bùn cống ngầm bằng máy tời kết hợp với các thiết bị khác	10
	Chương III. CÔNG TÁC KHÁC	12
TN3.21100	Kiểm tra lòng cống bằng phương pháp gương soi	12
TN3.31100	Nhặt, thu gom phế thải và vớt rau bèo trên mương, sông thoát nước bằng thủ công	13
	Chương IV. CÁC CÔNG TÁC LẬP MỚI	14
TN4.SL.10000	Nạo vét bùn, đất, rác cửa thu nước	14
TN4.SL.20000	Vớt rác mặt hồ	14
TN4.SL.30000	Duy trì đường ống DN>300	15
TN4.SL.31110	Duy trì đường ống áp lực	15
TN4.SL.31120	Duy trì đường ống tự chảy	15
TN4.SL.40000	Bảo dưỡng trạm bơm	15
TN4.SL.50000	Thay tấm gang cửa thu nước mặt đường (bao gồm khung và nắp tấm đan)	16